

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 9 năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1760 QĐ-ĐHKT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Ngành	: QUẢN TRỊ KINH DOANH
Mã ngành	: 52 34 01 01
Tên ngành (Tiếng Anh)	: BUSINESS ADMINISTRATION
Tên chuyên ngành	: QUẢN TRỊ KD TỔNG QUÁT
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: BUSINESS ADMINISTRATION
Mã chuyên ngành	: 52 34 01 01 01
Loại hình đào tạo	: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình là đào tạo các cử nhân ngành QTKD, chuyên ngành QTKD TQ có năng lực về chuyên môn; có đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, truyền thông và làm việc nhóm để thực hiện công việc quản trị kinh doanh trong các lĩnh vực chức năng và tổng quát của tổ chức, thích nghi được với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh và khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời. Chương trình đào tạo cũng hướng đến cung cấp những năng lực cơ bản để sinh viên có thể khởi sự làm chủ và phát triển một doanh nghiệp.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng quát khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

PLO1	Áp dụng được các kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và pháp luật
PLO2	Có năng lực thuyết trình và giao tiếp
PLO3	Có năng lực tổ chức và làm việc nhóm
PLO4	Có năng lực sử dụng ngoại ngữ
PLO5	Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin
PLO6	Có năng lực học tập suốt đời

PLO7	Đánh giá được môi trường kinh doanh
PLO8	Phân tích được chiến lược kinh doanh của một doanh nghiệp
PLO9	Phân tích được các nhiệm vụ và quyết định cơ bản của nhà quản trị trong tạo lập và điều hành tổ chức kinh doanh
PLO10	Ra quyết định kinh doanh
PLO11	Tạo lập doanh nghiệp và các kế hoạch kinh doanh
PLO12	Tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức, văn hóa, giá trị trong kinh doanh và thực thi trách nhiệm xã hội

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được cho trong Bảng 1.3. Có thể thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1.3 Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PO1	X											
PO2							X	X	X			
PO3							X	X	X	X	X	
PO4		X	x			X						
PO5				x	x							
PO6												x

1.3. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành QTKD chuyên ngành QTKD tổng quát có thể làm việc ở trong các tổ chức kinh doanh ở mọi thành phần kinh tế, các cơ quan chính quyền, các tổ chức phi lợi nhuận với các nhóm vị trí có thể đảm nhận:

- Chuyên viên kinh doanh: Nhân viên kinh doanh, Trưởng cửa hàng bán lẻ, Giám đốc bán hàng vùng/khu vực

- Chuyên viên phân tích và tư vấn quản trị kinh doanh: Trợ lý phân tích và tổng hợp báo cáo về môi trường kinh doanh, tài chính, lập kế hoạch sản xuất, nhân sự, sản xuất, trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh

- Nhà quản trị cấp tác nghiệp ở các bộ phận chức năng khác nhau: Giám sát sản xuất; Quản đốc phân xưởng nhỏ; quản trị viên các phòng marketing, nhân sự, vật tư, chất lượng.

- Nhà quản trị tổng quát: Giám đốc nhà máy; Giám đốc điều hành chi nhánh/khu vực, Giám đốc/Tổng giám đốc doanh nghiệp, tổ chức/tập đoàn.

- Tự thành lập làm chủ doanh nghiệp và điều hành công ty

Tùy thuộc năng lực thực sự của mỗi cá nhân sau khi ra trường mà cử nhân QTKD tổng quát sẽ đảm nhận vị trí công việc nào. Con đường thăng tiến nghề nghiệp về cơ bản là như sau:

- **Trong thời gian từ 0-4 năm** đầu tiên sau khi tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh Tổng quát có thể làm tại một vị trí công việc hoặc luân chuyển ở nhiều vị trí công việc về kinh doanh; trợ lý cho các nhà quản trị cấp trung; quản trị viên cấp tác nghiệp thuộc các lĩnh vực chức năng khác nhau và tự khởi sự kinh doanh. Cụ thể, họ có thể là:
 - *Nhân viên kinh doanh*
 - *Nhân viên/quản trị viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: marketing, sản xuất, bán hàng, nhân sự, dự án, chất lượng, cung ứng vật tư*
 - *Trợ lý trưởng bộ phận kinh doanh*
 - *Trợ lý dự án*
 - *Chuyên viên phân tích và tư vấn kinh doanh*
 - *Chủ doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở kinh doanh nhỏ*
- **5-10 năm:** cử nhân Quản trị kinh doanh tổng quát có thể thăng tiến đến vị trí:
 - *Trưởng một đơn vị trực thuộc: trưởng cửa hàng bán lẻ, trưởng chi nhánh, đại diện khu vực*
 - *Giám đốc điều hành vùng/khu vực*
 - *Chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ*
- **Sau 10 năm,** với các kiến thức và kỹ năng tích lũy được từ hoạt động quản trị điều hành nhiều chức năng khác nhau và quản lý điều hành tổng quát các đơn vị cấp nhỏ lẻ, đỉnh cao nghề nghiệp của một cử nhân Quản trị kinh doanh tổng quát là:
 - *Giám đốc doanh nghiệp*
 - *Tổng giám đốc tổng công ty/tập đoàn.*
 - *Chủ một doanh nghiệp phát triển bền vững*

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Quy trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Học phần chung toàn Trường

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
01	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
02	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
03	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
04	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
05	LAW1001	Pháp luật đại cương	2
06	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3
07	ENG1001	Tiếng Anh đại cương 1 (A2.1)	3
08	ENG2001	Tiếng Anh đại cương 2 (A2.2)	4
09	MIS1001	Tin học văn phòng	3
10	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	3
11	MGT1001	Kinh tế vi mô	3
12	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3
13	MGT1002	Quản trị học	3
		Tổng	37
14		Giáo dục thể chất	5
15		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

7.2. Học phần chung khối ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
16	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3
17	MKT2001	Marketing căn bản	3
18	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	3
19	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
20	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3
21	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3

22	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	3
23	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
24	LAW2001	Luật kinh doanh	3
25	ENG3001	Tiếng Anh kinh doanh	3
		Tổng	30

7.3. Học phần chung của ngành

7.3.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
26	MKT3001	Quản trị marketing	3
27	MGT3001	Quản trị chiến lược	3
28	MGT3003	Quản trị sản xuất	3
29	HRM3001	Quản trị nguồn nhân lực	3
30	FIN3006	Quản trị tài chính	3
		Tổng	15

7.3.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
31	LAW3001	Luật thương mại quốc tế	3
32	MKT3006	Truyền thông marketing	3
33	HRM3002	Phát triển kỹ năng quản trị	3
34	MGT3008	Quản trị công nghệ và đổi mới	3
35	IBS3007	Quản trị đa văn hóa	3
36	COM3003	Quản trị quan hệ khách hàng	3

7.4. Học phần chuyên ngành

7.4.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
37	MKT3002	Nghiên cứu marketing	3
38	MGT3002	Quản trị chuỗi cung ứng	3
39	MGT3011	Khởi sự kinh doanh	3
40	MGT3004	Quản trị dự án	3

41	MGT3005	Quản trị chất lượng toàn diện	3
42	MGT3095	Đề án kinh doanh	2
		Tổng	17

7.4.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
43	ACC2002	Kế toán quản trị	3
44	BAN3005	Quản trị ngân hàng	3
45	HRM3005	Thương lượng	3
46	MGT3010	Lý thuyết và thiết kế tổ chức	3
47	COM2001	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3
48	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2

7.5. Hoạt động ngoại khóa

TT	Hoạt động ngoại khóa	Ghi chú
49	Sinh viên tham quan cơ sở kinh doanh thực tế, tiếp xúc với các nhà khởi nghiệp và kết hợp tìm kiếm nhận diện các cơ hội kinh doanh đang có	2 tuần

7.6. Thực tập cuối khóa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		Hình thức 1	
50	MGT4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
51		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6
		Hình thức 2	
52	MGT4002	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

8. Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần (đính kèm theo chương trình đào tạo này)

9. Lộ trình học (đính kèm theo chương trình đào tạo này)

10. Các chương trình đào tạo (đã được kiểm định) được tham khảo (đính kèm nội dung chi tiết chương trình đào tạo đã tham khảo theo chương trình đào tạo này)

TT	Tên chương trình – Trường (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	The University of New South Wales, Australia	https://www.business.unsw.edu.au/Programs-Courses-Site/Documents/ug_flyer_management.pdf
2	The University of Amsterdam, Netherlands	http://studiegids.uva.nl/xmlpages/page/2014-2015-en/search-programme/programme/228/7711579
3	The Erasmus University Rotterdam, Netherlands	http://www.rsm.nl/bachelor/international-business-administration/programme/iba-curriculum/
4	The Queen Mary University of London (QMUL), United Kingdom	http://www.qmul.ac.uk/undergraduate/coursefinder/courses/80025.html
5	The Washington University in St. Louis, United States	http://www.olin.wustl.edu/EN-US/academic-programs/bs-business-administration/academics/Pages/curriculum.aspx
6	The University of Southampton, United Kingdom	https://www.sbs.ac.uk/undergraduate/b-sc-business-management

**HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**